ENGLISH 5

UNIT 16: SEASONS AND THE WEATHER.

LESSON 1

I.NEW WORDS

1.season	: mùa
2.weather	: thời tiết
3.hot - cool	: nóng- mát mẻ
4.cold -warm	: lạnh- ấm áp
5.summer -autumn	: mùa hè – mùa thu
6.spring -winter	: mùa xuân – mùa đông
7.rainy -sunny	: có mưa- có nắng
8.snowy	: có tuyết
9.cloudy	: có mây
10.dry season-rainy season	: mùa khô - mùa mưa

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS